

HỌ TÊN: _____ LỚP: 3 _____

TOÁN - TUẦN 1**I/ TRẮC NGHIỆM****Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng hoặc làm theo yêu cầu:****Câu 1. Số liền trước của số 180 là:**

- A. 181 B. 182 C. 179 D. 79

Câu 2. Cho các số sau : 324, 333, 234, 342, 432. Dãy số được xếp theo thứ tự từ bé đến lớn là:

- A. 324, 333, 342, 432, 234. B. 234, 324, 333, 342, 432.
C. 324, 342, 432, 234, 333. D. 234, 342, 432, 324, 333.

Câu 3. Cho $148 < \dots < 152$. Số tròn chục thích hợp điền vào chỗ chấm là:

- A. 151 B. 150 C. 149 D. 160

Câu 4. Số gồm 5 chục, 4 trăm và 2 đơn vị là:

- A. 542 B. 452 C. 425 D. 524

Câu 5. Số chẵn lớn nhất có ba chữ số khác nhau là:

- A. 998 B. 986 C. 978 D. 900

Câu 6. Từ ba số 4, 1, 9 lập được số có ba chữ số khác nhau là:

- A. 6 B. 7 C. 8 D. 9

Câu 7. Số “tám trăm tám mươi tư” viết là:

- A. 804 B. 844 C. 488 D. 884

Câu 8. Có ba con lợn với số cân lần lượt là : 125 kg, 129 kg, 152 kg. Biết con lợn đen nặng nhất, con lợn trắng nhẹ hơn con lợn khoang.

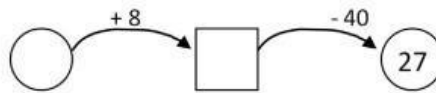
- A. Con lợn đen nặng kg.
B. Con lợn trắng nặng kg.
C. Con lợn khoang nặng kg.



HỌ TÊN: _____ LỚP: 3 _____

TOÁN - TUẦN 2**I/ TRẮC NGHIỆM****Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng hoặc làm theo yêu cầu:****Câu 1. - 15 = 136 Số cần điền vào chỗ trống là?**

- A. 134 B. 144 C. 32 D. 151

Câu 2. Số cần điền vào hình tròn là :

- A. 67 B. 59 C. 95 D. 76

Câu 3. Cho - 37 = 448.

Số thích hợp điền vào chỗ chấm là

Câu 4. Cho + 37 = 123.

Số thích hợp điền vào chỗ chấm là

Câu 5. Lớp 3A có 20 học sinh xếp thành hai hàng. Hỏi mỗi hàng có bao nhiêu học sinh?

- A. 9 học sinh B. 10 học sinh C. 8 học sinh

Câu 6. Số bị trừ là số nhỏ nhất có ba chữ số, hiệu là 99 . Số trừ là:

- A. 10 B. 0 C. 1 D. 100

Câu 7. Tổng số tuổi của hai anh em là 31 tuổi. Em 12 tuổi. Hỏi anh mấy tuổi?

- A. 10 tuổi B. 14 tuổi C. 19 tuổi

Câu 8. Trong một phép cộng có tổng bằng 162, nếu thêm vào mỗi số hạng 8 đơn vị thì tổng mới là bao nhiêu:

- A. 170 B. 178 C. 180 D. 190

HỌ TÊN: _____ LỚP: 3 _____

TOÁN - TUẦN 3

I/ TRẮC NGHIỆM

Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng hoặc làm theo yêu cầu:

Câu 1: Dãy tính: $4 + 4 + 4 + 4 + 4$ ứng với phép nhân nào?

- A. 4×5 B. 4×4 C. 5×4

Câu 2: 3 được lấy 4 lần viết dưới dạng tích hai số là:

- A. 4×3 B. 3×4 C. 3×5

Câu 3: Kết quả của dãy tính: $3 \times 6 + 117$ là:

- A. 115 B. 135 C. 125

Câu 4: Mai lấy 5 đôi đũa cho cả nhà. Hỏi Mai đã lấy bao nhiêu chiếc đũa?

- A. 5 chiếc B. 10 đôi C. 10 chiếc

Câu 5: Trong phép nhân: $3 \times 7 = 21$, có thừa số là:

- A. 7 và 14 B. 7 và 3 C. 14 và 3

Câu 6: Phép nhân: $4 \times 8 = 32$ có tích là:

- A. 2 B. 8 C. 32

Câu 7: Phép nhân nào có tích bằng một thừa số?

- A. 2×3 B. 3×1 C. 2×2

Câu 8: Mỗi cái bàn có 4 chân. Hỏi có 6 cái bàn bao nhiêu chân ?

- A. 10 chân B. 24 chân C. 30 chân

II/ TỰ LUẬN

Bài 1. Tính (theo mẫu):

Mẫu: $2 \times 5 + 6 = 10 + 6$



HỌ TÊN: _____ LỚP: 3 _____

TOÁN - TUẦN 4

I/ TRẮC NGHIỆM

Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng hoặc làm theo yêu cầu:

Câu 1. Phép nhân 6×5 có kết quả là :

- A. 11 B. 30 C. 35 D. 25

Câu 2. Kết quả của phép tính $36 : 6$ là :

- A. 3 B. 6 C. 5 D. 7

Câu 3. $6 \times \dots = 42$ Số điền vào chỗ chấm là :

- A. 6 B. 5 C. 7 D. 4

Câu 4. Phép nhân nào có tích bằng một thừa số là:

- A. 6×0 B. 6×3 C. 3×3 D. 4×2

Câu 5. Sóc Nâu nhặt được 18 hạt dẻ. Sóc Nâu chia cho mẹ, bà và Sóc Nâu. Hỏi mỗi người được bao nhiêu hạt dẻ ?

- A. 5 hạt dẻ B. 4 hạt dẻ C. 6 hạt dẻ D. 3 hạt dẻ

Câu 6. Mai cắm 26 bông hoa vào 4 lọ. Vậy mỗi lọ có bao nhiêu bông hoa và thừa ra mấy bông hoa ?

- A. mỗi lọ 6 bông thừa 1 bông B. mỗi lọ 6 bông thừa 2 bông
C. mỗi lọ 4 bông thừa 3 bông D. mỗi lọ 5 bông thừa 1 bông

HỌ TÊN: _____ LỚP: 3 _____

TOÁN – TUẦN 5

I/ TRẮC NGHIỆM

Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng hoặc làm theo yêu cầu:

Câu 1. Kết quả của phép tính 7×5 là :

- A. 30 B. 25 C. 35 D. 12

Câu 2. 49 là kết quả của phép tính nào dưới đây :

- A. 8×8 B. 7×7 C. 7×6 D. 7×5

Câu 3. Điền dấu thích hợp vào chỗ chấm khi so sánh 7×4 7×3

- A. > B. < C. = D. không so sánh được

Câu 4. Điền vào chỗ chấm trong phép tính $8 \text{ cm} \times 5 = \dots$ cho phù hợp:

- A. 13 B. 13 cm C. 40 cm D. 40

Câu 5. Lúc đầu cửa hàng có 28 l dầu. Sau một ngày bán, số dầu của cửa hàng giảm đi 7 lần. Hỏi sau khi bán cửa hàng còn lại mấy lít dầu ?

- A. 5 l B. 4 l C. 6 l D. 12 l

II/ TỰ LUẬN

Bài 1. Số?



HỌ TÊN: _____ LỚP: 3 _____

TOÁN - TUẦN 6

I/ TRẮC NGHIỆM

Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng hoặc làm theo yêu cầu:

Câu 1. x 8 = 64 Số cần điền vào dấu chấm là:

- A. 5 B. 6 C. 7 D. 8

Câu 2. 6 là kết quả của phép tính nào dưới đây:

- A. $12 : 3$ B. $12 : 6$ C. $42 : 7$ D. $40 : 8$

Câu 3: Thừa số thứ nhất là 9, thừa số thứ hai là 7 lúc đó tích là:

- A. 49 B. 72 C. 63 D. 36

Câu 4: Trong phép tính $36 : 9 = 4$ số bị chia là:

- A. 36 B. 9 C. 4 D. 36, 9

Câu 5: Phép tính $27 : 9 + 5$ có kết quả là:

- A. 14 B. 9 C. 8 D. 15

Câu 6: Cho ... x 6 = 8 x 3

Số thích hợp điền vào chỗ chấm là.....

Câu 7: Cho phép tính $27 + 27 + 72 : 9 = \dots$